

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2018/HNGĐ - ST

Ngày 30 - 11 - 2018

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Võ Tấn Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Tố A** – sinh năm 1997 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Ngô Văn N** – sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa chị Trần Tố A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Tố A và anh Ngô Văn N kết hôn vào ngày 01 tháng 12 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên thường hay cự cãi, anh N không có trách nhiệm với gia đình, vào ngày 30 tháng 5 năm 2018 anh N cùng gia đình đã đánh đuổi chị ra khỏi nhà, chị có nhờ chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không giải quyết được. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Tố A và anh N có với nhau 01 con chung tên Ngô Thảo N, sinh năm 2016 hiện nay con đang sống với gia đình bên chồng. Khi ly hôn chị Tố A yêu cầu giao con cho anh N tiếp tục nuôi

con với lý do hiện nay chị đang bệnh và không có khả năng nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Tổ A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Tổ A xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Trần Tổ A và anh Ngô Văn N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Ngô Văn N có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Tổ A và anh N kết hôn ngày 01 tháng 12 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Trần Tổ A có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Tổ A đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Ngô Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh N.

Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Tổ A cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống nên chị và anh không thể tiếp tục sống chung với anh N được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh N. Tòa án xét thấy anh Ngô Văn N đã được thông báo về việc chị Tổ A yêu cầu ly hôn với anh, nhưng anh N không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Tổ A. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh N và chị Tổ A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị Tổ A được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Tổ A xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Ngô Thảo N, sinh năm 2016. Hiện con đang sống với anh N. Sau khi

ly hôn chị Tô A yêu cầu giao con cho anh N c nuôi dưỡng với lý do chị đang bị bệnh và không có khả năng nuôi con và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Như đang còn nhỏ và hiện tại đang sống với anh N. Hơn nữa anh N đã được thông báo về việc chị Tô A yêu cầu được ly hôn và giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị Tô A không cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh N không có ý kiến và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình về việc chị Tô A yêu cầu giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tô A, giao cháu Ngô Thảo N , sinh năm 2016 cho anh Ngô Văn N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị Tô A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tô A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Tô A và anh N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Tô A và anh N đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Trần Tô A phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Tô A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004705 ngày 28 tháng 8 năm 2018. Chị Trần Tô A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Trần Tô A** ly hôn với anh **Ngô Văn N**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Ngô Thảo N**, sinh năm 2016 cho anh Ngô Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Chị Tô A không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tố A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Tố A và anh N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Tố A và anh N đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Tố A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Trần Tố A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004705 ngày 28 tháng 8 năm 2018. Chị Trần Tố A đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L'
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết